TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NÔ** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/DS-ST
Ngày: 26/5/2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tím

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Khải, ông Phạm Đình Bông

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Nguyệt Bun, Thư ký viên TAND huyện Krông Nô.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa: bà Hoàng Thị Thùy Dung, chức vụ Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 166/2022/TLST-DS, ngày 09 tháng 12 năm 2022, về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXXST-DS, ngày 07/4/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 123/2023/QĐST-DS, ngày 24/4/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 142/2023/QĐST-DS, ngày 10/5/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H - Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn M, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện the ủy quyền: Ông Hồ Ngọc D – Có mặt

Địa chỉ: Số 06 Q, thị trấn T, huyện J, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Ông Y Ch – Vắng mặt.

Địa chỉ: Bon D, thị trấn M, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Y D và chị H-Ph – Vắng mặt.

Địa chỉ: Bon D, thị trấn M, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2022 (nộp trực tiếp tại Tòa án ngày 02/11/2022), quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Người được nguyên đơn ủy quyền trình bày:

Do mối quan hệ quen biết nên vào ngày 18/02/2017, bà Nguyễn Thị H có bán phân bón cho ông Y Ch với số tiền là 104.170.000 đồng và có chốt 1.619,4 kg cà phê nhân khô quy chuẩn, tiếp đến ngày 22/5/2017 bà H bán cho ông Y Ch 01 tấn phân ISE với giá là 11.500.000 đồng. Ông Y Ch đã thanh toán cho bà H được 990 kg cà phê nhân. Tính đến ngày 22/5/2017, ông Y Ch còn nợ của bà H tiền mua phân bón là 115.670.000 đồng và 629,4 kg cà phê nhân khô quy chuẩn. Ông Y Ch thỏa thuận thời hạn thanh toán là ngày 20/11/2017. Ngoài bán phân bón và cho ông Y Ch chốt cà phê thì bà H còn bán cho anh Y D và chị H-Ph (anh Y D là con rể của ông Y Ch) 02 tạ phân với số tiền 2.400.000 đồng vào ngày 11/10/2017.

Hết thời hạn đã cam kết ông Y Ch không thanh toán nợ cho bà H mặc dù bà H nhiều lần yêu cầu thanh toán nợ, vì vậy bà H đã khởi kiện tại Tòa án.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2022, nộp trực tiếp tại Tòa án ngày 02/11/2022, bà Hòa yêu cầu ông Y Ch thanh toán số nợ tiền nợ phân bón và tiền chốt cà phê nhân là 147.966.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất là 10/%/năm = 0.83%/tháng, kể từ ngày 20/11/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Y Ch phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị H các khoản nợ gồm: Số tiền nợ mua phân là 115.670.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất là 0,83%/tháng, thời hạn tính lãi tính từ ngày 21/11/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ; 629,4 kg cà phê nhân khô quy chuẩn, không yêu cầu tính lãi suất. Rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 2.400.000 đồng mà anh Y D, chị H-Ph đã mua phân ngày 11/10/2017.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Y Ch vắng mặt tại địa phương, Tòa án ban hành Quyết định số 43/2023/QĐ -TA, ngày 17/02/2023 thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng thông báo cho ông Y Ch, anh Y D và chị H-Ph được biết về yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Tại phiên tòa vắng mặt ông Y Ch, anh Y D và chị H-Ph không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật; Bị đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vi phạm quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, buộc ông Y Ch phải thanh toán cho bà Hòa số tiền mua phân còn lại là 115.670.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất là 0.83%/tháng, thời hạn tính tiền lãi kể

từ ngày 21/11/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Ngoài ra ông Y Ch có nghĩa vụ thanh toán cho bà H số lượng 629,4 kg cà phê nhân khô quy chuẩn.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu ông Y Ch phải thanh toán số tiền 2.400.000 đồng.

Về chi phí đăng phát trên phương tiện thông tin đại chúng: Buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu chi phí đăng phát trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Buộc ông Y Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Thị Hòa khởi kiện ông Y Ch phải thanh toán số tiền nợ mua phân là 115.670.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ và số lượng cà phê nhân khô quy chuẩn mà ông Y Ch đã chốt là 629,4kg. Vì vậy đây là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản". Ông Y Ch có đăng ký hộ khẩu thường trú tại bon D, thị trấn M, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyên Krông Nô theo quy định tại khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại Biên bản xác minh của Công an thị trấn M thể hiện, ông Y Ch đăng ký hộ khẩu thường trú tại bon D, thị trấn M, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Tuy nhiên ông Y Ch không sinh sống và làm việc tại địa phương, ông không thay đổi nơi cư trú, không thông báo tạm vắng tại địa phương, không thông báo địa chỉ nơi cư trú mới cho nguyên đơn, vì vậy chính quyền địa phương cũng như nguyên đơn không xác định được nơi sinh sống và làm việc hiện nay của ông Y Ch.

Ngày 17/02/2023, Tòa án đã ban hành Quyết định số 43/2023/QĐ-TA về việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng thông báo cho ông Y Ch, anh Y D và chị H-Ph biết về yêu cầu khởi kiện của bà H, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Y Ch, anh Y D và chị H-Ph vắng mặt không có lý do.

Khoản 2 Điều 5 và điểm a khoản 2 Điều 6 NQ số: 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định:

Khoản 2 Điều 5: "*Người khởi kiện đã cung cấp địa chỉ "nơi cư trú, làm việc, hoặc nơi có trụ sở" của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho Tòa án theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn tại khoản 1 Điều này tại thời điểm nộp đơn khởi kiện mà được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp, xác nhận hoặc có căn cứ khác chứng minh rằng đó là địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì được coi là đã ghi đúng địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi,*

nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015."

Điều 6:

"2. *Trường hợp sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tống đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án do bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không còn cư trú, làm việc hoặc không có trụ sở tại địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp thì Tòa án giải quyết như sau:*

a) *Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là "đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở". Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tống đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;"*

Từ các phân tích và dẫn chiếu quy định của pháp luật trên thì xác định được ông Y Ch là người có nghĩa vụ đối với bà H, nhưng ông không thực hiện nghĩa vụ theo đúng nội dung thỏa thuận của hai bên, ông không có mặt tại địa phương, không thông báo tạm vắng cho chính quyền địa phương, cũng không thông báo địa chỉ mới cho bà H được biết, vì vậy ông Y Ch cố tình giấu địa chỉ. Tòa án nhân dân huyện Krông Nô thụ lý, giải quyết, đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Y Ch theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Về thời hiệu khởi kiện: Các bên thỏa thuận hạn thanh toán nợ là ngày 20/11/2017, hết thời hạn ông Y Ch không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà H, ngày 15/10/2022, bà H khởi kiện yêu cầu ông Y Ch phải thanh toán 629,4kg cà phê nhân, số tiền mua phân là 115.670.000 đồng và tiễn lãi kể từ ngày chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các bên đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu vì vậy vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự và Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc do mua phân:

Giao dịch dân sự giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H với ông Y Ch là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Việc nhận nợ của ông Y Ch thể hiện tại giấy nhận nợ viết bằng bút mực màu xanh đề ngày 18/02/2017 và ngày 22/5/2017 về số lượng, giá cả, thành tiền, thời hạn thanh toán, phía dưới có chữ ký và chữ viết của ông Y Ch

phù hợp với quy định của pháp luật tại các Điều 430; Điều 433; Điều 434 của Bộ luật Dân sự.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong giấy nhận nợ đề ngày 18/02/2017 và ngày 22/5/2017 thể hiện số tiền mua phân còn nợ lại là 115.670.000 đồng, thời hạn thanh toán là ngày 20/11/2017. Tuy nhiên ông Y Ch đã vi phạm thỏa thuận của hai bên, vì vậy ngày 15/10/2022, bà H khởi kiện yêu cầu ông Y Ch phải thanh toán số tiền mua phân là 115.670.000 đồng là có cơ sở nên cần áp dụng Điều 440 của Bộ luật dân sự để chấp nhận, buộc ông Y Ch phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ gốc còn lại là 115.670.000 đồng.

[2.2] Về yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán tiền nợ mua phân.

Giấy nhận nợ các ngày 18/02/2017 và ngày 22/5/2017 thể hiện thanh toán toán là ngày 20/11/2017 nhưng không thể hiện mức lãi suất, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Nguyên đơn không yêu cầu áp dụng thời hiệu, vì vậy Nguyên đơn yêu cầu tiền lãi mức lãi suất là 0.83%/tháng là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 440 của Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận.

Số tiền lãi là: 115.670.000 đồng x 0,83%/tháng x 66 tháng (làm tròn) = 63.364.000 đồng.

Tổng số tiền nợ phân mà ông Y Ch có nghĩa vụ phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị H là 115.670.000 đồng + 63.364.000 đồng = 179.034.000 đồng.

[2.3]. Đối với yêu cầu thanh toán số lượng cà phê nhân khô quy chuẩn:

Trong giấy nhận nợ đề ngày 18/02/2017 và ngày 22/5/2017 thể hiện ông Y Ch đã chốt với bà H số lượng cà phê nhân khô là 1.619,4kg, ông Y Ch đã thanh toán cho bà H 990kg, số cà phê nhân khô mà ông Y Ch còn nợ của bà Hòa là 629,4kg.

Hội đồng xét xử xét thấy, giấy nhận nợ không thể hiện cụ thể số lượng cà phê mà ông Y Ch đã chốt là loại cà phê gì (tươi hay khô), tuy nhiên trong giấy có thể hiện giá cà phê là 47.500 đồng/kg. Mặt khác quá trình giải quyết vụ án và lời trình bày tại phiên tòa của Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn thể hiện loại cà phê mà ông Y Ch chốt là cà phê nhân khô quy chuẩn, các bên thỏa thuận sẽ thanh toán bằng hiện vật là cà phê nhân khô quy chuẩn, trường hợp không thanh toán được bằng hiện vật thì thanh toán bằng tiền theo giá cà phê nhân khô quy chuẩn tai thời điểm trả nợ.

Quá trình giải quyết vụ án ông Y Ch vắng mặt, không thể hiện ý kiến của mình trước yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, vì vậy ông Y Ch đã đưa ra được tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình. Do đó có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H buộc ông Y Ch có nghĩa vụ thanh toán cho bà H số lượng cà phê nhân khô quy chuẩn còn nợ lại là 629,4kg theo quy định tại Điều 430; Điều 431; Điều 432 của Bộ luật dân sự.

Tại biên bản xác minh ngày 26/5/2023 tại Chủ hộ kinh doanh Hoàng Thị Thắm và Công ty TNHH MTV – TM Bảo Lộc, giá cà phê nhân trên website https://giacaphe.com/gia-ca-phe-noi-dia/ thì giá cà phê nhân khô quy chuẩn tại thời

điểm ngày 26/5/2025 là 60.500 đồng/kg. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ giá cà phê để tính án phí là 60.500 đồng/kg (629,4kg x 60.500 đồng/kg = 38.079.000 đồng).

[3]. Trong giấy nhận nợ đề ngày 18/02/2017 và ngày 22/5/2017 còn thể hiện anh Y D và chị H-Ph (Con gái và con rể ông Y Ch) nợ tiền mua phân là 2.400.000 đồng. Tại phiên tòa, Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn rút yêu cầu đối với số tiền 2.400.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút yêu cầu là tự nguyện, không bị ép buộc, vì vậy cần căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà H yêu cầu ông Y Ch thanh toán số tiền 2.400.000 đồng.

[4]. Chi phí đăng phát trên phương tiện thông tin đại chúng: Bà Nguyễn Thị H phải chịu chi phí đăng phát trên phương tiện thông tin đại chúng với số tiền 3.525.000 đồng theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự, được khấu trừ số tiền mà bà Nguyễn Thị H đã nộp.

[5]. Án phí dân sự: Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H được chấp nhận vì vậy ông Y Ch phải chịu án phí cụ thể: 5%(179.034.000 đồng + 38.079.000 đồng)=10.856.000 đồng và nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của NQ 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016. Hoàn trả bà Nguyễn Thị H số tiền 5.511.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô, theo biên lai số 0003444, ngày 09/12/2022.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 26; Điều 35; Điều 235; khoản 2 Điều 244; Điều 147; Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 430; Điều 431; Điều 432; Điều 433; Điều 434; Điều 440 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

1.1. Buộc ông Y Ch phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị H tổng số tiền 179.034.000 đồng (Một trăm bảy mươi chín triệu không trăm ba mươi tư nghìn), trong đó số tiền nợ gốc là 115.670.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng), tiền lãi là 63.364.000 đồng(Sáu mươi ba triệu ba trăm sáu mươi tư nghìn đồng).

1.2. Buộc ông Y Ch phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị H số lượng cà phê nhân khô quy chuẩn là 629,4kg (Sáu trăm hai mươi chín phẩy bốn kilôgam).

Kể từ ngày 27/5/2023 cho đến khi thi hành xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Chi phí đăng phát trên phương tiện thông tin đại chúng: Bà Nguyễn Thị H phải chịu chi phí đăng phát trên phương tiện thông tin đại chúng với số tiền 3.525.000 đồng theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự, được khấu trừ số tiền mà bà Nguyễn Thị H đã nộp.

3. Án phí dân sự: Buộc ông Y Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.856.000 đồng (*Mười triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn đồng*) và nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô. Hoàn trả bà Nguyễn Thị H số tiền 5.511.000 đồng (*Năm triệu năm trăm mười một nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô, theo biên lai số 0003444, ngày 09/12/2022.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người đựơc thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thu hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND H. Krông Nô (02 bản);
- Chi cục THADS H. Krông Nô;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Tím